



MỞ LỐI PHÁT TRIỂN



2019 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

1

GIỚI THIỆU

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	06
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	08
Thông điệp của Tổng Giám đốc	10
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	12
Ban Kiểm soát	14

2

CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

Câu chuyện của chúng tôi	18
Tổng quan về Công ty	21
Các hoạt động	28
Phân khúc kinh doanh	34
Trách nhiệm xã hội - Cam kết của chúng tôi	36
Hoạt động cộng đồng	38

3

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Môi trường kinh doanh	42
Hoạt động tài chính	46
Quản trị rủi ro	48
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019	49

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	56
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	58
Báo cáo kiểm toán độc lập	59
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	60
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	63
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	64
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	66



KHÁC BIỆT TỪ THƯƠNG HIỆU

GIỚI THIỆU

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	06
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	08
Thông điệp của Tổng Giám đốc	10
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	12
Ban Kiểm soát	14



TẦM NHÌN SỨ MỆNH



Định hướng phát triển bền vững, Vocarimex đặt mục tiêu trở thành chuyên gia cung ứng dầu nguyên liệu hàng đầu tại Việt Nam với đội ngũ chuyên nghiệp đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng, không ngừng phát triển mở rộng thị phần cũng như các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực thế mạnh, nhằm tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động, cũng như quan tâm sâu sắc đến môi trường, xã hội.

Theo đó, sự phát triển của công ty về mặt kinh tế luôn đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, xã hội và tác động tích cực đến môi trường sinh thái xung quanh. Sự phát triển hài hòa giữa các mục tiêu chiến lược về kinh tế và môi trường, xã hội sẽ giúp Công ty tăng trưởng và phát triển bền vững, đồng thời tạo dựng được mối quan hệ lâu dài với người lao động, khách hàng, nhà đầu tư, đối tác bằng hình ảnh tốt đẹp của một doanh nghiệp hoạt động vì lợi ích chung của ngành, cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ

ĐỔI MỚI



Tập trung nghiên cứu, thay đổi công nghệ, tiếp tục giữ vững và không ngừng phát triển, đẩy mạnh sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm dầu ăn chất lượng cao đến với người tiêu dùng. Tất cả đều hướng đến mục tiêu "Vì sự phát triển vững bền của ngành Dầu thực vật Việt Nam".

CỘNG ĐỒNG



Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành dầu thực vật, Vocarimex luôn cam kết duy trì và thực hiện nghiêm túc các chính sách, giải pháp, hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Điển hình như rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại, thu gom, lưu giữ trong khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có uy tín trong dịch vụ xử lý nước thải thu gom và xử lý.

KHÁCH HÀNG



Quan niệm khách hàng là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, Vocarimex nỗ lực mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp. Tại Vocarimex, chúng tôi không ngừng nỗ lực để phát triển đúng sản phẩm và cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp để có thể tối đa hóa lợi ích cho khách hàng.

Đối tượng khách hàng của Vocarimex chủ yếu là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, do vậy chúng tôi cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm đảm bảo chất lượng nhất, an toàn, đi cùng dịch vụ hoàn hảo.

CON NGƯỜI



Xây dựng tổ hợp KIDO - Vocarimex trở thành một tập đoàn dầu ăn với các sản phẩm uy tín lớn nhất Việt Nam, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng và góp phần phát triển đất nước. Đồng thời gia tăng thu nhập, chăm lo đời sống cho người lao động, cán bộ công nhân viên trong đơn vị.

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



Đến từ những nỗ lực của đội ngũ nhân sự và văn hóa sáng tạo Vocarimex đang nuôi dưỡng, những sản phẩm và dịch vụ mà Vocarimex mang đến cho khách hàng là một phần giá trị cốt lõi trong chuỗi giá trị của Tổng Công ty. Chúng tôi không chỉ đảm bảo cung cấp những sản phẩm tốt nhất mà còn là đơn vị dẫn đầu về chất lượng dịch vụ.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NĂM 2019, TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI TĂNG TRƯỞNG CHẬM LẠI, HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI BẤT ỔN VÀ KHÓ DỰ ĐOÁN, CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN NỀN KINH TẾ CỦA CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI, KÉO THEO ĐÓ LÀ GIÁ DẦU NGUYÊN VẬT LIỆU BIẾN ĐỘNG LIÊN TỤC NHIỀU THÁNG LIỀN, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

Kính thưa Quý Cổ đông,

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư đã đồng hành cùng chúng tôi trên suốt hành trình hơn bốn thập kỷ qua và tiếp tục cùng nhau chinh phục mục tiêu đưa Vocarimex trở thành doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu dầu thực vật hàng đầu Việt Nam, mở rộng lĩnh vực xuất khẩu.

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, hệ thống thương mại thế giới bất ổn và khó dự đoán, có tác động tiêu cực đến nền kinh tế của các nước trong khu vực và trên thế giới, kéo theo đó là giá dầu nguyên vật liệu biến động liên tục nhiều tháng liền, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tuy nhiên, với việc nắm bắt, theo dõi biến động trên thị trường dầu ăn, triển khai kiểm soát hàng cùng với đó là hệ thống 3 kênh được đẩy mạnh, chúng tôi cũng đã chủ động thực hiện việc tiếp cận các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu thực vật trong sản xuất kinh doanh để mở rộng thị trường, gia tăng thị phần, đẩy mạnh tìm kiếm thị trường mới trong lĩnh vực xuất khẩu. Những nỗ lực của chúng tôi cùng hoạt động đầu tư có hiệu quả, theo đó, năm 2019 Vocarimex hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Với thế mạnh của một Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật tại Việt Nam và hơn 44 năm hiện diện trên thị trường, chúng tôi đã đẩy mạnh xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với đặc thù kinh doanh của Vocarimex và gắn liền với lộ trình phát triển đồng bộ theo định hướng chung từ Tập đoàn KIDO trong suốt thời gian qua. Cụ thể:

Công nghiệp

Thị trường dầu ăn được phân chia thành 4 nhóm chính: Dầu đóng chai, Thương mại, Công nghiệp và Xuất khẩu. Trong đó, phân khúc khách hàng Công nghiệp chiếm hơn 1/3 tỷ trọng quy mô ngành. Đây chính là cơ sở nền tảng cho sự phát triển của Vocarimex trên thị trường dầu ăn Công nghiệp của chúng tôi. Trọng tâm của chúng tôi là tiếp cận đến các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu trong sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp ngành FMCG, có nhu cầu cao về công thức dầu chuyên biệt để sản xuất thành phẩm trong các ngành hàng như: Mì gói, Sữa, Thức ăn công nghiệp, Chế biến thủy sản, Đồ hộp,... Theo đó, chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm, hoàn thiện hệ thống chuỗi cung ứng, khai thác lợi thế về mối quan hệ với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất từ Tập đoàn KIDO để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Thương mại

Mảng khách hàng thương mại sẽ tiếp tục được VOC quy hoạch, phân loại khách hàng theo từng nhóm ngành để đảm bảo giữ khách hàng cũ, khai thác khách hàng mới, duy trì mối liên hệ với khách hàng có tiềm năng trong tương lai. Bên cạnh đó, VOC sẽ tiếp tục khai thác, tận dụng tối đa thế mạnh là hệ thống nhà máy được đầu tư để có thể đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ đơn vị có thế mạnh trên thị trường dầu thế giới, hệ thống cảng biển và kho bãi với trữ lượng lớn mà chúng tôi sở hữu. Ngoài việc tăng cường dự báo tình hình nguyên liệu để có được nguồn nguyên liệu giá tốt để nâng cao hiệu quả của mảng thương mại nhiều tiềm năng.

Xuất khẩu

Là doanh nghiệp đứng đầu về kim ngạch Xuất khẩu dầu ăn tại Việt Nam (*), sản phẩm của Vocarimex đã xuất hiện ở nhiều quốc gia có yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng cao gồm: New Zealand, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên,... Ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn Xuất khẩu khắt khe (ISO, HACCP), Vocarimex nghiên cứu và phát triển nhóm sản phẩm đặc thù, đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên biệt của từng thị trường tiềm năng khác nhau như: Tiêu chuẩn KOSHER để Xuất khẩu sang các thị trường Trung Đông, Do Thái; Tiêu chuẩn HALAL phục vụ Xuất khẩu sang các quốc gia theo đạo Hồi...

Đón đầu làn sóng dịch chuyển nhà máy sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia sang Việt Nam để có được các lợi thế từ thuế, nhân công... Vocarimex hiện đang đàm phán với các Tập đoàn để mở ra cơ hội cung cấp dầu với trữ lượng lớn và ổn định tại Việt Nam trong tương lai gần.

Thưa Quý Cổ đông,

Con người là yếu tố quan trọng và sống còn của doanh nghiệp, chúng tôi luôn đặt sức khỏe, sự an toàn của đội ngũ lên hàng đầu. Với những diễn biến bất lợi và khó lường do tình hình dịch bệnh bùng phát và lan rộng trên thế giới từ đầu năm 2020 đến nay, trong điều kiện nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam lâm vào tình cảnh khó khăn, ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, chúng tôi nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao sức khỏe của nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm cho toàn thể CBCNV và chúng tôi luôn sát cánh để cùng nhau vượt qua giai đoạn cam go này.

Chúng tôi liên tục theo dõi diễn tiến của dịch bệnh và có kế hoạch chủ động về nguồn cung nguyên vật liệu trong lĩnh vực dầu ăn để hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ảnh hưởng lớn, triển khai kế hoạch dự phòng tồn kho cho tình huống nếu dịch bệnh kéo dài. Cùng với Tập đoàn, chúng tôi thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo nguồn cung về dầu ăn cho người tiêu dùng, nguồn cung cho các doanh nghiệp sử dụng dầu trong sản xuất thực phẩm nhằm đảm bảo an toàn lương thực cho người tiêu dùng Việt Nam.

Chúng tôi cũng đã xây dựng nhiều kịch bản khác nhau, các phương án dự phòng cũng như linh động thực hiện điều chỉnh kế hoạch theo diễn biến thực tế trên thị trường để có thể tồn tại trong đại dịch và phát triển vững vàng sau đại dịch.

Cùng đội ngũ CBCNV mong rằng Vocarimex sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và sự hợp tác bền chặt của Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác, Nhà cung cấp để cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành các kế hoạch đề ra.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của Quý cổ đông, các nhà đầu tư để tiếp tục đưa Vocarimex phát triển mạnh mẽ, bền vững trong chặng đường tiếp theo.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và bình an!

TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



NĂM TRONG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN, VOCARIMEX ĐÃ VÀ ĐANG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VOCARIMEX DỰA TRÊN ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ, GIA TĂNG NĂNG LỰC KINH DOANH, CUNG ỨNG NGUYÊN LIỆU DẦU THỰC VẬT HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM VÀ GIA TĂNG NĂNG LỰC XUẤT KHẨU DẦU CHAI, DẦU NGUYÊN LIỆU.

Hệ thống bán hàng kênh Công nghiệp được đẩy mạnh, thâm nhập sâu vào thị trường dầu ăn thương mại; Tiếp cận có trọng tâm đến các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu thực vật trong sản xuất kinh doanh để mở rộng thị trường; Tăng cường cải tiến chất lượng, phát triển sản phẩm để mở rộng hệ thống kinh doanh xuất nhập khẩu là thế mạnh lớn của Vocarimex trên thị trường. Hiện nay, Vocarimex đã mở rộng xuất khẩu trên nhiều quốc gia, đang trên đà xây dựng và chuẩn hóa hệ thống bán hàng, hệ thống phân phối. Từng bước xây dựng nền tảng phát triển vững chắc, hướng đến mục tiêu trở thành Tổng Công ty cung cấp và xuất khẩu nguyên liệu dầu thực vật hàng đầu Việt Nam.

Tại Vocarimex, chúng tôi hiểu rõ đặc tính và chất lượng nguyên liệu dầu đóng vai trò quan trọng góp phần tạo nên thành phẩm đạt tiêu chuẩn cao. Định hướng mở rộng, khai thác tối đa tiềm năng phát triển tại các thị trường mục tiêu, chúng tôi đã chủ động đẩy mạnh đa dạng hóa chủng loại sản phẩm với nhiều công thức phối trộn chuyên biệt, phù hợp với nhu cầu sử dụng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng, các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành nghề khác nhau tại các khu vực, vùng miền khác nhau. Thực hiện tổ chức, sắp xếp quản lý dữ liệu khách hàng theo từng nhóm khách hàng chuyên biệt. Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận Kinh doanh, R&D, Marketing, Logistic,... góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh và phát huy hiệu quả hoạt động. Tận dụng được lợi thế này, Vocarimex tiếp tục mở rộng thêm đối tượng khách hàng thương mại có quy mô sản xuất vừa và nhỏ không có điều kiện nhập khẩu trực tiếp, đây sẽ là một trong những kênh góp phần mang về doanh thu cho Công ty.

Tham gia vào Tập đoàn KIDO với vai trò chiến lược, Vocarimex đang từng bước tích hợp lợi thế từ tập đoàn, phát triển hệ thống nhân sự, đổi mới tư duy sáng tạo, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuẩn hóa hệ thống vận hành, tinh gọn quy trình hoạt động, xây dựng môi trường làm việc năng động, hội nhập cùng guồng máy vận hành của toàn tập đoàn.

NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Tổng Giám đốc điều hành
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)

2.547

Hôm nay, tôi rất vui mừng và hân hạnh được trình bày với Quý cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Vocarimex trong năm vừa qua.

Kết thúc năm tài chính 2019, Vocarimex ghi nhận doanh thu thuần 2.547 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 242 tỷ đồng, công ty đã hoàn thành 100% kế hoạch Đại hội Cổ đông. Mục tiêu trở thành doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu dầu thực vật hàng đầu Việt Nam, năm 2019 Vocarimex đã từng bước phát huy lợi thế của một Tổng Công ty Công nghiệp Dầu có thế mạnh và hiện diện hơn 40 năm trên thị trường Việt Nam, phát huy tối đa tiềm năng lớn mạnh mà Vocarimex đang sở hữu. Chúng tôi đã đẩy mạnh xây dựng và phát triển thị trường phù hợp với đặc thù kinh doanh của Vocarimex và gắn liền với lộ trình phát triển đồng bộ theo định hướng chung từ Tập đoàn.

Tích hợp lợi thế từ Tập đoàn KIDO cùng kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc về ngành dầu ăn, tôi tin chắc rằng Vocarimex sẽ gặt hái được nhiều thành công và sớm hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nhìn lại chặng đường phát triển của Vocarimex, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên. Chính sự tin tưởng, hợp tác của Quý vị đã góp phần quan trọng cho sự lớn mạnh của Vocarimex. Trên chặng đường phát triển mới, tôi mong Quý cổ đông sẽ tiếp tục giữ vững niềm tin và sát cánh Vocarimex chinh phục những thành công mới.

Sau cùng, tôi xin kính chúc sức khỏe, thành công đến Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên của Vocarimex.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Ông Thành được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Vocarimex từ năm 2014 và dẫn dắt quá trình tái cấu trúc Tổng Công ty phát triển thành đơn vị hàng đầu trong ngành dầu thực vật Việt Nam.

Ông Thành là một doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh. Là thành viên đồng sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, bằng kinh nghiệm và chiến lược sắc bén của mình, ông đã góp phần quan trọng trong việc dẫn dắt Tập đoàn KIDO trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

Bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị của rất nhiều tập đoàn quy mô khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



Ông TRẦN LỆ NGUYÊN

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Là doanh nhân thành đạt, một nhà lãnh đạo quyết đoán với những thành tích kinh doanh nổi bật trong nhiều thập niên qua, ông Nguyên là thành viên đồng sáng lập và là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc của Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của ông, KIDO trở thành một trong những thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, sở hữu danh mục sản phẩm phong phú và dẫn đầu thị trường. Ngoài ra, ông cũng rất thành công trong một loạt các thương vụ M&A nổi tiếng tại Việt Nam.

Ông Nguyên cũng là Ủy viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Thành viên Hội đồng Quản trị & Tổng
Giám đốc điều hành
Tổng Công ty Công nghiệp
Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay, bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty KIDO Nhà Bè, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính.

Bằng kinh nghiệm và chuyên môn sâu rộng, cùng với tư duy năng động, bà đã có những đóng góp thiết thực cho việc tích hợp giá trị sau chuyển đổi M&A, tạo nên những thành công nhất định trong việc tái cấu trúc Vocarimex sau cổ phần hoá.

Bà có bằng Tiến sĩ Kinh tế, cùng với những đóng góp của mình, bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung Ương, giải thưởng Bông Hồng Vàng, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.



Bà TRẦN THỊ HỒNG LĨNH

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực
vật Việt Nam – CTCP

Bà Linh công tác tại Ban ĐT4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) và được SCIC cử làm người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội (Hapharco), Công ty Cổ phần Thiết bị Khí tượng Thủy văn & Môi trường Việt Nam với vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị ở những công ty này. Bà Linh có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh, bằng Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Ông NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
& Phó Tổng Giám đốc điều hành
Tổng Công ty Công nghiệp
Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Có hơn 28 năm làm việc tại Vocarimex, ông Cường là người giàu kinh nghiệm quản lý, điều hành mà trọng tâm là công tác tài chính, kế toán tại Tổng Công ty. Ông Cường có bằng Thạc sĩ Kinh tế và có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển và thành công của Vocarimex.

Với những đóng góp của mình ông đã vinh dự được tặng Huân chương Lao động Hạng III, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc và nhiều bằng khen khác của các cấp, ban ngành.

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ TRANG

Trưởng Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Trang là người giàu kinh nghiệm về quản lý tài chính, quản lý danh mục đầu tư. Bà đã tham gia triển khai chiến lược cho các thương vụ mua bán, sáp nhập của Tập đoàn KIDO, thực hiện quản lý dòng tiền, huy động vốn cũng như các dự án tái cấu trúc của Tập đoàn.

Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, bà đảm nhiệm vị trí Thư ký Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO



Bà HUỖNH NGỌC NỮ PHƯƠNG NGA

Thành viên Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Nga tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính, gia nhập Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex) với vị trí Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ. Bà Nga có nhiều kinh nghiệm về tài chính, quản lý nhân sự và điều hành kinh doanh.

Bà đã đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp quốc doanh như Phó trưởng phòng Khách hàng, Trưởng phòng Tổ chức, Giám đốc Chi nhánh.

Hiện tại, bà Nga là Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP.



Bà NGUYỄN LÊ TRÀ MY

Thành viên Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà My công tác tại Ban ĐT4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) và được SCIC cử làm người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật với vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị. Bà My có bằng Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, bằng Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng và lưu thông tiền tệ tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



KHÁC BIỆT TỪ CÔNG NGHỆ

CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

Câu chuyện của chúng tôi	18
Tổng quan về Công ty	21
Các hoạt động	28
Phân khúc kinh doanh	34
Trách nhiệm xã hội - Cam kết của chúng tôi	36
Hoạt động cộng đồng	38



CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI



NĂM 1976, VOCARIMEX LÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI MỤC ĐÍCH ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NỀN CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM. TRONG NHỮNG NĂM QUA, VOCARIMEX ĐÃ ĐẦU TƯ VÀ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TRONG KHU VỰC. BẰNG NHIỀU THƯƠNG VỤ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC, NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ HỆ THỐNG KHO VẬN, LOGISTIC LỚN MẠNH, VOCARIMEX ĐÃ TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG PHÂN PHỐI NGUYÊN LIỆU CHO CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

1975

Tiếp quản 4 nhà máy sản xuất dầu thực vật tại miền Nam. Tổng công suất tinh luyện của các nhà máy ước đạt 18.000 tấn/năm.

1976

Thành lập Công ty Dầu thực vật Miền Nam theo cơ chế quản lý Nhà nước.

1986

Công ty Dầu thực vật Miền Nam đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.

1992

Chính thức thành lập Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (Vocarimex).

1991

Tiến hành hợp tác liên kết với Sime Darby thành lập Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè.

1996

Trở thành đối tác liên kết với Wilmar thành lập Công ty Dầu thực vật Cái Lân (Calofic).

2010

Sản lượng tiêu thụ đạt 750.000 tấn, Vocarimex xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bền vững với các tập đoàn kinh doanh Quốc tế, các đối tác trong và ngoài nước. Hợp tác với Musim Mas Việt Nam thành lập Công ty TNHH Dầu thực vật miền Bắc.

2015

Vocarimex chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và Tập đoàn KIDO trở thành Cổ đông chiến lược nắm giữ 24% cổ phần Tổng Công ty. Vocarimex trở thành Công ty Cổ phần Dầu thực vật lớn nhất Việt Nam với hàng loạt công ty con và công ty liên kết.

2017

KIDO nâng tỷ lệ sở hữu từ 24% lên 51% thông qua hình thức chào mua công khai.

2018 - 2019

Vocarimex tiếp tục duy trì mảng kinh doanh thương mại, đẩy mạnh phát triển hệ thống kênh Công nghiệp và gia tăng năng lực Xuất khẩu.



CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)

CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT



**CÔNG TY TNHH
KIDO NHÀ BÈ**

Có tổng công suất thiết kế hơn
100.000 tấn/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU
THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Có tổng công suất thiết kế đạt
240.000 tấn/năm (sản lượng tiêu
thụ bình quân 180.000 tấn/năm).



**CÔNG TY TNHH DẦU
THỰC VẬT CÁI LÂN**

Có tổng công suất thiết kế hơn
400.000 tấn/năm



**CÔNG TY CP DẦU THỰC VẬT
TÂN BÌNH**

Có tổng công suất thiết kế
70.000 tấn/năm.



**CÔNG TY TNHH
MỸ PHẨM LG VINA**

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

TRẢI QUA

44

NĂM



VOCARIMEX LUÔN KHẲNG
ĐỊNH VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU
TRONG SẢN XUẤT - KINH
DOANH DẦU THỰC VẬT VÀ
ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH
NGHIỆP CÓ LIÊN QUAN
TRONG LĨNH VỰC DẦU ĂN.

Từ những ngày đầu thành lập, Vocarimex đã đặt mục tiêu cung cấp những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng và an toàn đến người tiêu dùng. Và cho đến nay, mục tiêu đó vẫn luôn kiên định, thể hiện rõ trong chiến lược phát triển của Vocarimex khi đặt khách hàng ở vị trí trung tâm.

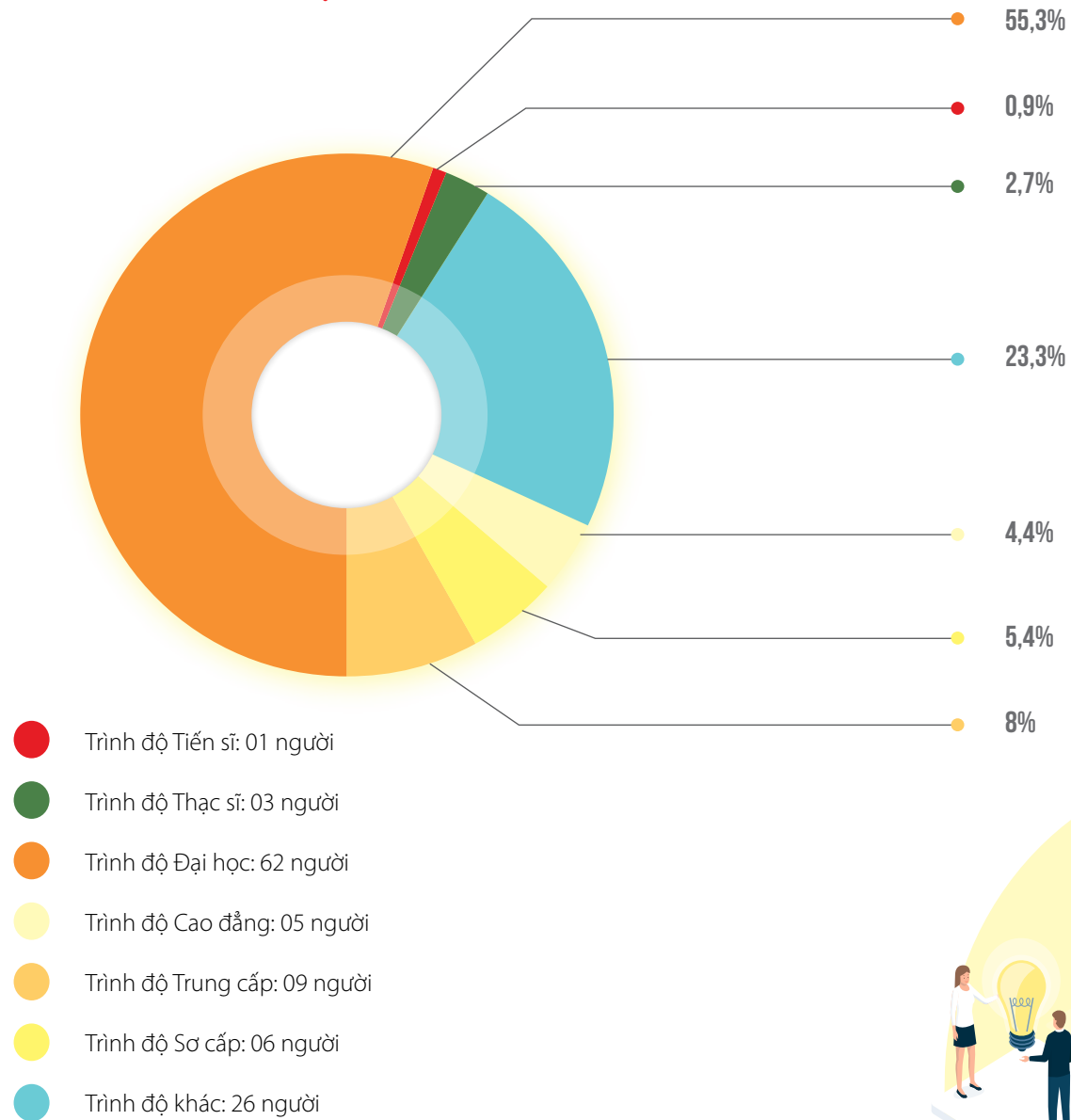
Vocarimex luôn thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý các sản phẩm dầu thực vật của Vocarimex đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Việt Nam và các quy định trong xuất khẩu. Là đại diện cho ngành kinh tế, kỹ thuật dầu thực vật tại Việt Nam, Vocarimex không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị phần tiêu thụ trong nước cũng như tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hiện tại, Vocarimex sở hữu chuỗi cung ứng hoàn chỉnh có khả năng đáp ứng nhu cầu của tất cả các nhóm khách hàng công nghiệp tại Việt Nam. Chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO từ tháng 5/2017, Vocarimex đã tiếp tục hiện đại hóa quy trình quản trị của mình và tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động tại các bộ phận chức năng như hệ thống vận hành, quản trị tài chính, quảng bá và xây dựng thương hiệu.



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, tổng số CB.CNV của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam là

112

người



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ



TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

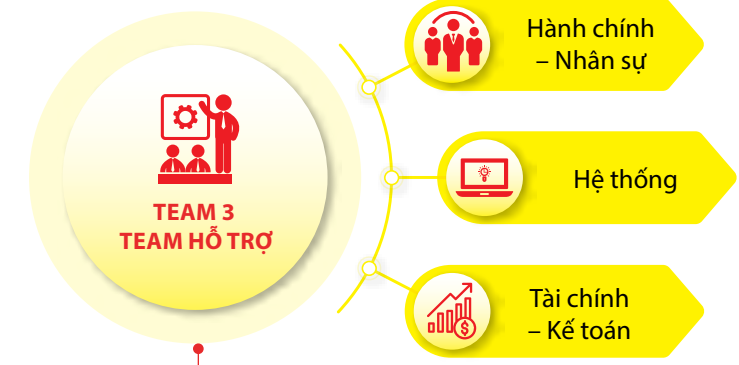
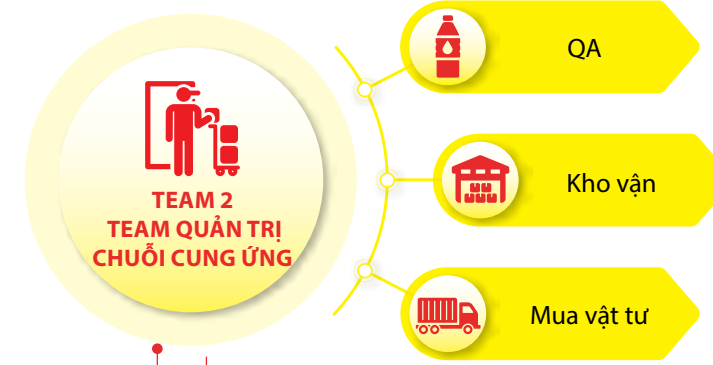
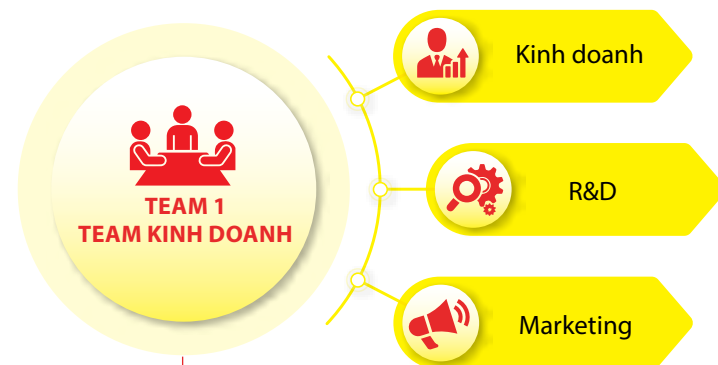


EMC



ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC)

Lãnh đạo và giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược.



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)



CÔNG TY DO ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC) LÃNH ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN VÀ THÚC ĐẨY CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH CHUNG.

Nhằm tạo sự cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, Tập đoàn KIDO đã thực hiện tái cấu trúc để duy trì hệ thống dịch vụ tập trung và phi tập trung trong quá trình gắn kết vận hành cùng các đơn vị thành viên. Dịch vụ tập trung được nhận định là các dịch vụ có yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn và mang lại lợi ích từ quy mô thực hiện tại các đơn vị kinh doanh. Các hoạt động và dịch vụ phi tập trung được thiết kế hướng đến các hoạt động và bộ phận chức năng có mối tương tác chặt chẽ với thị trường và người tiêu dùng. Dịch vụ phi tập trung bao gồm các hoạt động có đầu tư ngắn hạn và yêu cầu sự ứng biến và linh hoạt thích ứng với những biến đổi của thị trường.

Tại Tập đoàn, định hướng chiến lược được thiết lập và đầu tư dài hạn nhằm hỗ trợ từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Dựa trên định hướng chiến lược từ Tập đoàn, các đơn vị thành viên như Vocarimex sẽ nắm giữ vai trò then chốt khác nhau và được phép linh hoạt vận hành theo kế hoạch hoạt động hằng năm. Vocarimex được cấu trúc theo mô hình 3 Team gồm: Team Kinh doanh, Chuỗi cung ứng và Team Hỗ trợ. Mục tiêu của mỗi team là vận hành phối hợp để tối đa hóa hiệu quả hoạt động hướng đến mục tiêu hình thành giá trị và mang đến những trải nghiệm thiết thực cho khách hàng.



TEAM 1

TEAM 1 - TEAM KINH DOANH là đội ngũ để ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường. Từ đó, các bộ phận của Team 1 có thể thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Vai trò của Team 1 là cung cấp thông tin phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng của Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các Team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ, đưa ra các ý kiến nhằm phản hồi hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng, những xu hướng của thị trường và luôn lấy người tiêu dùng là trung tâm.



TEAM 2

Nhóm chức năng quan trọng tiếp theo trong hệ thống vận hành của Công ty là **TEAM 2 - TEAM QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM)**, chuyên trách về các hoạt động sản xuất thành phẩm, kiểm soát chất lượng, hậu cần và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn và mang lại thành công cho Vocarimex. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất và phân phối sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Sự phối hợp chặt chẽ của Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm, đúng khối lượng đến đúng đối tượng khách hàng với mức giá cạnh tranh nhất. Đây là bước tiến quan trọng trong chính sách khách hàng và tăng cường phát triển lợi thế cạnh tranh cho Vocarimex.

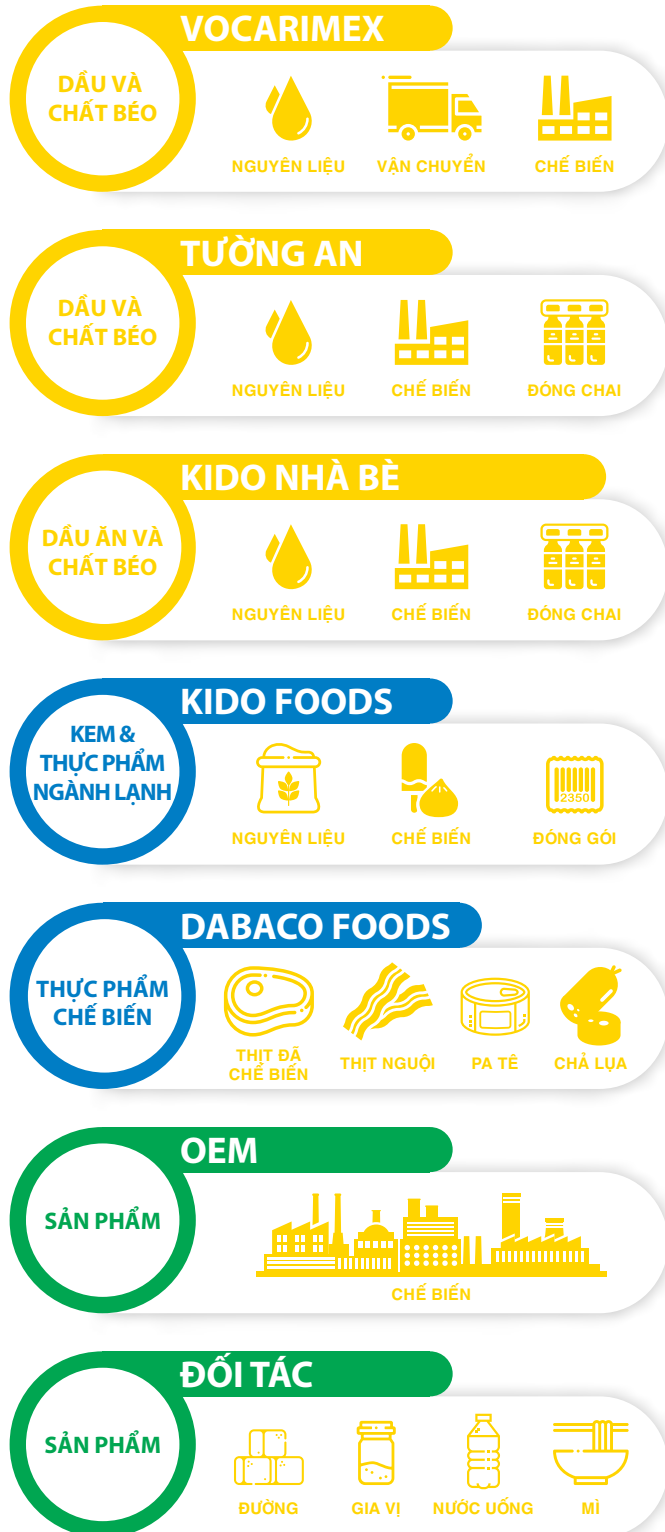


TEAM 3

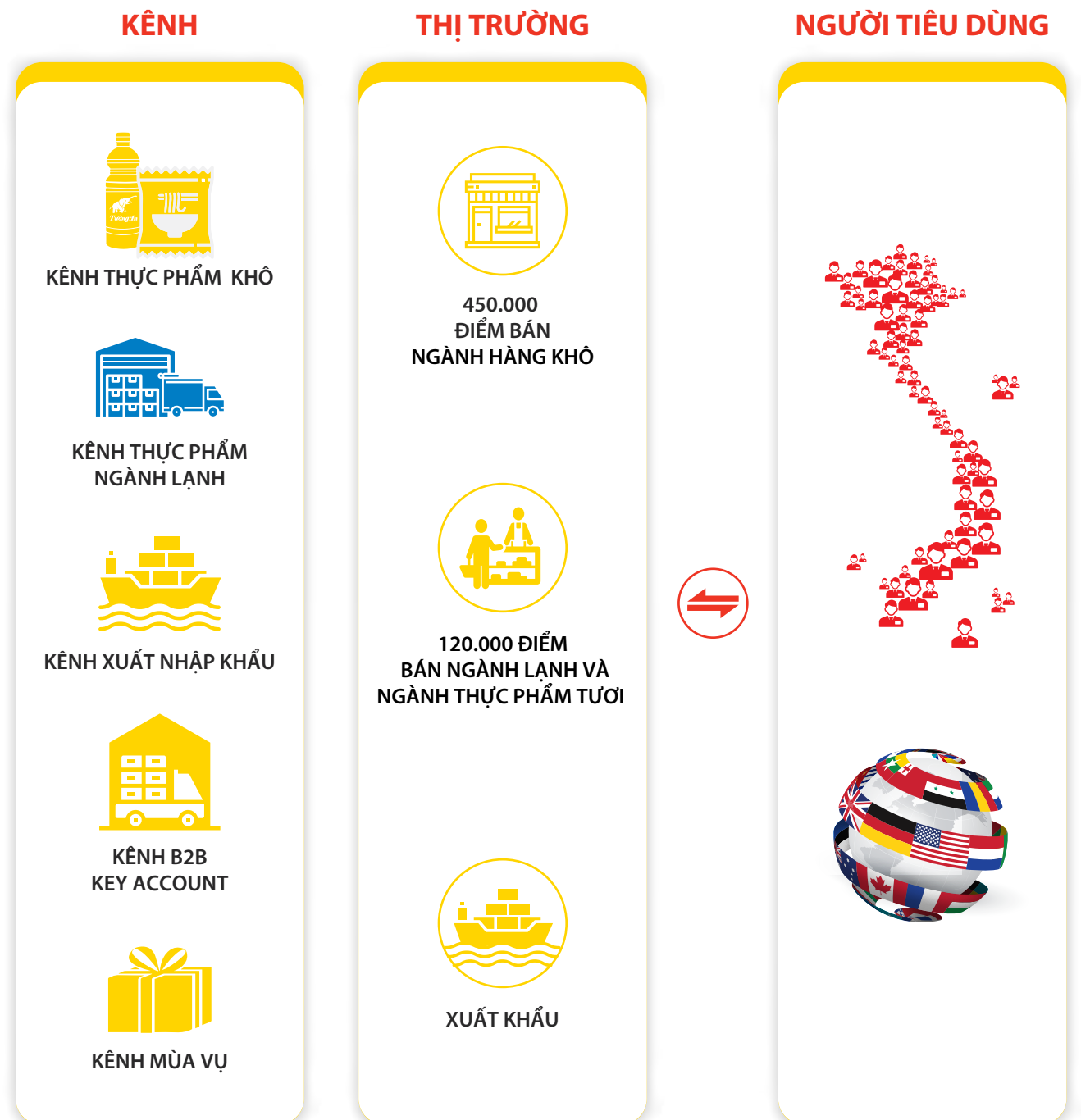
TEAM 3 - TEAM HỖ TRỢ là Team có các chức năng đặc trưng nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty bao gồm nhân sự, hành chính, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Bản chất các dịch vụ của Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như IT, Quản trị Quy trình Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị mua hàng và Tài chính được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.

CÁC HOẠT ĐỘNG

MÔ HÌNH KINH DOANH



GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO



CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

NĂNG LỰC CỐT LÕI

VOCARIMEX
VỚI NĂNG LỰC SẢN XUẤT
130.000
TẤN DẦU/NĂM



Nghiên cứu & Phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng Công nghiệp khác nhau như: bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.

- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 2000: 2015, HACCP, CODEX.
- Xưởng tinh luyện công suất 130.000 tấn/năm.
- Xưởng ép dầu mè đạt chuẩn xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản, công suất 4.000 tấn dầu mè/năm.



Cảng được trang bị
4 CẦU TÀU HIỆN ĐẠI

Tiếp nhận tàu hàng có trọng tải
20,000 DWT

Tiếp nhận tàu dầu có trọng tải
5,000 TẤN

CẦU CẢNG NHÀ BÈ

Công ty đã khai thác hiệu quả 4 cầu tàu hiện đại cùng kho bãi quy mô tại Cảng Nhà Bè, với khả năng tiếp nhận tàu hàng có trọng tải 20.000 DWT, tàu dầu có trọng tải 5.000 tấn.

CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

NĂNG LỰC CỐT LÕI (tiếp theo)



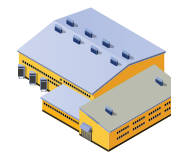
NĂNG LỰC R&D VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Nghiên cứu & phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng công nghiệp khác nhau như: bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.



HỆ THỐNG BỒN CHỨA TRỮ LƯỢNG LỚN

Với hệ thống kho chứa gần 8.000 m² và bồn chứa chất lỏng 22.300 m³ thiết kế hiện đại, đường ống được kết nối với nhau, hệ thống ống công nghệ đóng vai trò liên kết giúp vận chuyển các chất lỏng đến bồn chứa là nơi lưu trữ sản phẩm dầu cho hoạt động xuất, nhập khẩu đảm bảo thuận tiện, an toàn và chất lượng.



Hệ thống kho chứa gần

8.000 m²



Bồn chứa chất lỏng

22.300 m³

thiết kế hiện đại



PHÂN KHÚC KINH DOANH



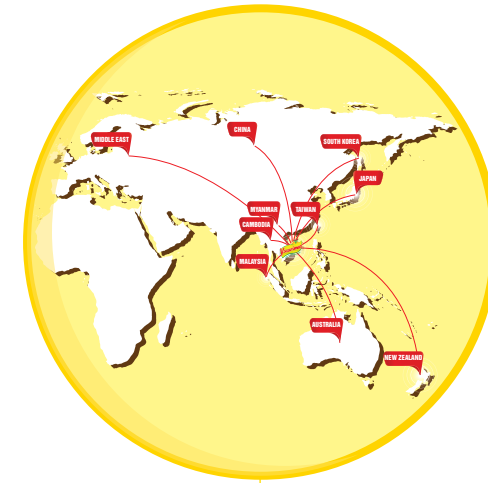
CUNG CẤP DẦU NGUYÊN LIỆU

Một trong những phân khúc kinh doanh chủ lực của Vocarimex là cung cấp dầu nguyên liệu cho khách hàng công nghiệp. Vocarimex đặt mục tiêu tăng trưởng doanh số dựa trên hiệu quả phân phối và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động. Đây chính là lợi thế chủ lực của Vocarimex hướng đến mục tiêu phục vụ 30% thị trường tiêu thụ dầu ăn. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, Vocarimex sẽ sản xuất theo tiêu chuẩn đặt hàng chuyên biệt từ chất lượng sản phẩm đến kỹ thuật sản xuất. Bằng sự gắn kết chặt chẽ giữa nền tảng nhập khẩu và hệ thống quản trị vận hành hiệu quả, Vocarimex cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng với mức giá cạnh tranh.



TINH LUYỆN DẦU

Khẳng định năng lực trong lĩnh vực sản xuất, tinh luyện dầu, hàng năm nhà máy của Vocarimex có thể sản xuất 130.000 tấn dầu tinh luyện các loại, 120.000 tấn dầu thành phẩm. Đặc biệt nhà máy sở hữu công nghệ sản xuất dầu mè chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu thị trường Nhật Bản với công suất đạt 4.000 tấn/năm.



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Từ năm 1997, Vocarimex đã đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu để thực hiện tinh luyện, chiết xuất, đóng gói các sản phẩm dầu. Để đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe và nhu cầu riêng biệt của mỗi thị trường như: Nhật Bản, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Iraq, Ghana,... Vocarimex liên tục nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự để phát triển và ngày càng mở rộng thị trường xuất khẩu.



SẢN PHẨM PHỤ TÙNG DẦU

Ngoài thành phần chính từ quá trình tinh luyện dầu, các sản phẩm như: Bánh dầu, Stearin, Shortening, Axit Béo hỗn hợp là những loại phụ phẩm trong quá trình sản xuất dầu thực vật dùng làm nguyên liệu chế biến trong ngành chế biến thực phẩm, thức ăn cho gia súc được Vocarimex cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI – CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI



BÊN CẠNH VIỆC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, VOCARIMEX ƯU TIÊN CHO CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG. HÀNG NĂM, VOCARIMEX THƯỜNG XUYẾN CẢI TẠO DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT, TÌM KIẾM CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ HƠN CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH.

CHẤT LƯỢNG

Vocarimex luôn chú trọng tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín, đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định và an toàn cũng như lựa chọn và đầu tư các thiết bị, công nghệ sản xuất dầu thực vật theo tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, chúng tôi luôn quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, HACCP, CODEX nhằm mang đến những sản phẩm dinh dưỡng và an toàn cho khách hàng.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn đầu thực vật hàng đầu tại Việt Nam, Vocarimex cam kết duy trì và thực hiện các chính sách, giải pháp và các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường. Trong những năm qua, Vocarimex đã thực hiện thành công các quy định về môi trường, thực hiện các dự án bảo vệ môi trường bao gồm:

1 Hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, Kq=1,1; Kf=1,1) với công suất 350 m³/ngày, đêm.

2 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi sử dụng dầu FO, khí thải lò sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19: 2009/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3 Rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại, thu gom, lưu giữ trong khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có uy tín trong dịch vụ xử lý nước thải thu gom, xử lý.

VOCARIMEX LUÔN THỰC HIỆN NHIỀU BIỆN PHÁP GÓP PHẦN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT



1

Thực hiện kiểm toán năng lượng giúp Vocarimex tiết kiệm được chi phí trong sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt hơn công tác quản lý năng lượng.

2

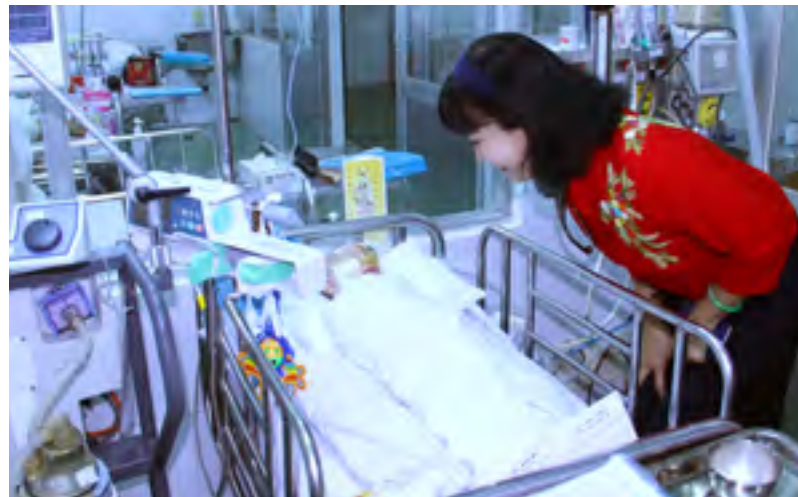
Đưa vào sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm điện năng như lò hơi sử dụng nhiên liệu BIOMAS không gây ô nhiễm môi trường.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



VỚI CHỦ TRƯỞNG KINH DOANH HIỆU QUẢ KHÔNG TÁCH RỜI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, TRONG HƠN 40 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, VOCARIMEX CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO CHO ĐỜI SỐNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG.



Thăm bệnh nhi khoa tim - hồi sức tích cực.



Đại diện Vocarimex trao tặng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách xã Nhị Bình.



- Tài trợ mổ mắt và tặng quà cho gần 200 bệnh nhân đục thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương;
- Trao quà và những vật dụng thiết yếu cho các bé tại trại trẻ mồ côi Tam Bình Thủ Đức và làng trẻ mồ côi SOS Gò Vấp;
- Tặng học bổng cho các học sinh trong chương trình “Thắp sáng ước mơ” cho các sinh viên nghèo – học giỏi trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương; Thực hiện trao học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo, khuyết

tật; Ủng hộ Quỹ Khuyến học Dương Kỳ Hiệp, tỉnh Sóc Trăng; Tặng xe đạp cho các học sinh nghèo; Tài trợ mổ mắt cho gần 200 bệnh nhân đục thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Cát Tiên – Lâm Đồng; Tài trợ xây dựng cầu tình thương tại ấp Bình Tiên, xã Bình Hòa, Giồng Trôm, Bến Tre; Tặng quà cho các trẻ em học sinh nghèo hiếu học người dân tộc thiểu số tại Đức Trọng – Bảo Lộc, Lâm Đồng; Tặng quà cho các bà con nghèo khó khăn tại Tân Châu tỉnh Tây Ninh; Xây dựng các nhà tình nghĩa tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. ...



Vocarimex luôn nỗ lực trong các hoạt động hướng đến cộng đồng và xã hội.

KHÁC BIỆT TỪ SẢN PHẨM

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Môi trường kinh doanh	42
Hoạt động tài chính	46
Quản trị rủi ro	48
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019	49



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

▶▶ **VỚI LỢI THẾ VỀ CÔNG NGHỆ MÁY ÉP, TINH LUYỆN HIỆN ĐẠI BẬT NHẤT CHÂU ÂU, CÙNG VỚI ĐỘI NGŨ KỸ SƯ GIÀU KINH NGHIỆM, VOCARIMEX KHÔNG QUÁ KHÓ KHĂN KHI ÉP VÀ TINH LUYỆN DẦU NÀNH, DẦU MÈ, XUẤT KHẨU CHO NHỮNG THỊ TRƯỜNG KHÓ TÍNH NHƯ NHẬT BẢN, BẮC TRIỀU TIÊN..., GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU VOCARIMEX KHÔNG NHỮNG CÓ Ở THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA MÀ CÒN CÓ GIÁ TRỊ LỚN TẠI THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.**

Trong bối cảnh chung, một trong những rủi ro chính trong ngành dầu thực vật là sự biến động của giá nguyên vật liệu. Điều này phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận của Vocarimex. Nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng của giá dầu biến động, Vocarimex đã thay đổi chiến lược tập trung từ nhà cung cấp nguyên vật liệu thô sang nhà cung cấp các sản phẩm dầu sản xuất theo yêu cầu của khách hàng nhằm hướng đến khối khách hàng công nghiệp, có nhu cầu đa dạng trong công thức chế biến dầu để sản xuất thành phẩm như: chế biến thủy sản, chế biến sữa, sản xuất mì gói, đồ hộp,... Ở Việt Nam, phân khúc này vẫn tăng trưởng mạnh so với năm trước thông qua việc Công ty đẩy mạnh đầu tư và mở rộng ở mảng này, và đây sẽ là cơ sở cho sự phát triển của chúng tôi trong tương lai.

Cung cấp nguyên liệu dầu thô vẫn tiếp tục chiếm phần lớn trong hoạt động kinh doanh của Vocarimex và điều này sẽ giúp chúng tôi có được lợi thế cạnh tranh về số lượng dầu nhập khẩu ở mức giá tốt và hiệu quả hơn ở khâu vận chuyển, lưu trữ và xử lý dầu. Do đó, Vocarimex sẽ tối ưu hóa được chi phí hoạt động cho từng đơn vị sản phẩm so với các đối thủ cạnh tranh nhờ vào quy mô cơ sở vật chất cũng như sản lượng lớn. Tận dụng được lợi thế này, chiến lược của Vocarimex sắp tới sẽ tập trung vào kênh khách hàng công nghiệp có giá trị cao hơn nhờ vào việc sản xuất chuyên biệt dòng sản phẩm cho từng đối tượng khách hàng và ưu thế là giá thành của Công ty sẽ cạnh tranh hơn.



Với lợi thế về công nghệ máy ép, tinh luyện hiện đại bậc nhất Châu Âu, cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, Vocarimex không quá khó khăn khi ép và tinh luyện dầu nành, dầu mè, xuất khẩu cho những thị trường khó tính như Nhật Bản, Bắc Triều Tiên..., Giá trị thương hiệu Vocarimex không những có ở thị trường nội địa mà còn có giá trị lớn tại thị trường Quốc tế.

"Riêng dầu cọ có nhiều cơ hội tăng giá mạnh, bởi những quốc gia sản xuất loại dầu này đang tăng cường sản xuất nhiên liệu sinh học từ dầu cọ. Tính trong 4 tháng đầu năm nay, giá dầu cọ đã tăng trên 14%, sau khi tăng 40% năm 2006, bởi nhu cầu mạnh từ cả ngành nhiên liệu sinh học và lương thực. Ngày 11/5, giá dầu cọ thô giao ngay tại Rotterdam đạt 735 USD/tấn, CIF, cao nhất từ đầu năm tới nay, do nguồn cung khan hiếm trong khi nhu cầu từ các nước tiêu thụ dầu cọ hàng đầu thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ tăng mạnh. Dự báo giá dầu cọ sẽ tăng tới 2.400 Ringgit/tấn, thậm chí có thể vượt 2.500 Ringgit/tấn. Dầu olein cọ sẽ tăng lên trên 700 USD/tấn, kỳ hạn xa, trong khi dầu nhân cọ thô sẽ đạt 820 USD/tấn.

Về nhu cầu, việc Trung Quốc xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu đối với các loại dầu ăn, nhu cầu gia tăng mạnh ở Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều nước đang phát triển mạnh khác, chiến dịch sử dụng dầu ăn thực vật ở Mỹ và nhu cầu sử dụng CPO để sản xuất nhiên liệu sinh học ngày càng tăng dự kiến sẽ thúc đẩy tiêu dùng dầu cọ."



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT CỦA VOCARIMEX NĂM 2019

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ SỞ HỮU	DOANH THU THUẦN (TRIỆU ĐỒNG)	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TRIỆU ĐỒNG)
1	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK)	51,05%	0	-5,3
2	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	26,54%	4.142.183	170.535
3	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	24,00%	14.677.394	1.223.927
4	Công ty TNHH KIDO Nhà Bè	49,00%	943.625	18.450
5	Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00%	784.949	20.975

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

121.800.000 CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

121.800.000 CỔ PHIẾU

STT	TÀI SẢN	TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019	
		SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
I	Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	100,0%
II	Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	121.800.000	100,0%
	Vốn Nhà nước	44.211.900	36,3%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	62.118.000	51,0%
	Cổ đông trong nước khác	15.470.100	12,7%
	Cổ đông nước ngoài	0	-
III	Cổ phiếu quỹ	0	-

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	2018	2019	% TĂNG/GIẢM
1	Doanh thu thuần	4.357 tỷ đồng	2.547 tỷ đồng	-58,4%
2	Giá vốn hàng bán	4.282 tỷ đồng	2.502 tỷ đồng	-58,4%
3	Biên lợi nhuận gộp	1,7%	1,8%	0,1%
4	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	12,7%	11,4%	-1,3%
5	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	8,6%	9,3%	-0,7%
6	Biên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	7,4%	11,9%	4,5%
7	Lợi nhuận trước thuế	260 tỷ đồng	242 tỷ đồng	-6,9%
8	Biên lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	6,4%	9,6%	3,2%
9	Thu nhập trên mỗi cổ phần	2.239	2.014	-10%
10	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	0,47	0,23	-0,24x
11	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,50	1,94	0,44x



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

DOANH THU

2.547 TỶ VND

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2019 giảm 58,4% so với năm trước và đạt 2.547 tỷ đồng, Vocarimex tập trung chuyển đổi cơ cấu ngành từ bán dầu thô sang bán dầu Công nghiệp, củng cố thị trường Xuất khẩu. Bước đầu tập trung mở rộng đối tác khách hàng mới trong nhiều

lĩnh vực khác nhau như sữa, bánh kẹo, mì ăn liền và mỹ phẩm. Kênh xuất khẩu bước đầu tiến vào thị trường New Zealand, Trung Quốc và chuẩn bị tiến vào các thị trường mới như Philipine, Mỹ, Myanmar thông qua các hội chợ chào bán sản phẩm.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

19,6% GIẢM SO VỚI 2018

Chi phí hoạt động giảm 19,6% so với năm trước do Công ty tổ chức thực hiện việc tái cơ cấu về nhân sự một cách hợp lý nhằm tăng năng suất lao động cũng như tiếp tục thực hiện tiến trình giải thể công ty con Bao bì Dầu thực vật. Các hoạt động quảng cáo, marketing và bán hàng có sự thay đổi mạnh mẽ do Công ty chuyển hướng tập trung

cho kênh khách hàng công nghiệp và xuất khẩu. Ngoài ra, tỷ lệ chi phí kho vận trên doanh thu thuần cũng được cải thiện. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ đạt được hiệu quả cao trong năm sau vì kênh khách hàng công nghiệp và xuất khẩu đang trên đà tiếp tục tăng trưởng.

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Giá vốn hàng bán giảm 58% tương ứng mức giảm ở doanh thu thuần chủ yếu là do biến động giá nguyên vật liệu dầu thực vật trên thị trường thế giới và giá tồn kho thời điểm. Mặc dù có nhiều biến động thì biên lợi nhuận vẫn đang ổn định duy trì ở mức 1,8% tương đương cùng

kỳ. Việc mở rộng đầu tư vào xuất khẩu đã bù đắp phần nào sự sụt giảm ở doanh thu; tuy nhiên, hiện tại vẫn còn đang trong giai đoạn mở rộng thị trường và cần thêm sự đầu tư trong vòng vài năm tới nhằm tối đa được khả năng gia tăng mức biên lợi nhuận.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Năm 2019 Công ty áp dụng các chính sách quản lý vốn lưu động nhằm cải thiện dòng tiền bao gồm quản lý tốt vòng quay hàng tồn kho, các khoản phải thu và hiệu quả trong chi phí kho vận. Sự mở rộng khối khách hàng

công nghiệp dẫn đến việc tăng lên các khoản phải thu. Tuy nhiên, Vocarimex luôn duy trì các chính sách quản lý công nợ chặt chẽ, hợp lý và được đánh giá hằng năm thông qua các báo cáo tài chính của khách hàng.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Trong năm 2019, Công ty vẫn duy trì hoạt động của Tài sản cố định hiện hữu nhằm khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị.

CÁC KHOẢN VAY

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn giảm hẳn so với cùng kỳ do bán tài sản nhà máy của công ty Bao bì Dầu thực vật VMPACK tại Khu

công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và trả dứt điểm các khoản nợ vay ngân hàng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 đạt 2.134 tỷ đồng tăng 4,4% nhờ vào lợi nhuận đầu tư tài chính trong năm. Trong năm 2019, Vocarimex đã chi trả

cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được chấp thuận ở năm trước.



QUẢN TRỊ RỦI RO

BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU



Bản chất của giá nguyên liệu toàn cầu là luôn có sự biến động. Tác động này có thể là tích cực hoặc tiêu cực đối với lợi nhuận và biên lợi nhuận của Vocarimex. Để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn này, chúng tôi luôn theo dõi sự biến động của giá nguyên liệu thế giới và nhu cầu sử dụng nguyên liệu để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Mục tiêu của chúng tôi là có được sự thỏa thuận từ phía khách hàng sớm và để thống nhất được kế hoạch mua nguyên liệu rõ ràng với nhà cung cấp kịp thời nhằm giảm áp lực lên biên lợi nhuận của chúng tôi trong trường hợp giá nguyên liệu tăng.

RỦI RO TÀI CHÍNH



Một trong những rủi ro chính khác là sự biến động của tỉ giá chuyển đổi Đô la Mỹ/Việt Nam Đồng đã có ảnh hưởng lớn lên giá vốn hàng bán và chi phí tài chính của chúng tôi. Chúng tôi đã có giải pháp bằng cách tính toán mua tỷ giá kỳ hạn của ngân hàng cho những lô hàng bán forward. Ngoài ra, do cơ cấu vốn hiện tại của chúng tôi, việc tăng lãi suất từ 5% lên 7% dẫn đến chi phí tài chính của Công ty cũng tăng theo. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và thời gian đáo hạn nợ để đảm bảo rằng chúng tôi có đủ số dư tiền mặt để thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp để đưa ra phương pháp giảm rủi ro khi giao dịch nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của việc biến động của tỉ giá hối đoái lên lợi nhuận của chúng tôi.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

ĐVT: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	2.400	2.547	106%
2	Lợi nhuận trước thuế	180	242	134%
3	Cổ tức	12%	Chưa thực hiện, phụ thuộc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	

KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

TT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Thù lao Hội đồng quản trị năm 2019: 420.000.000 đồng	Đã chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	Thù lao Ban Kiểm Soát năm 2019: 144.000.000 đồng	

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2019

TT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
3	Trả cổ tức tiền mặt 100% / vốn điều lệ (1.218 tỷ đồng)	Đã chi trả cổ tức tiền mặt vào ngày 20/11/2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thể hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý trong phạm vi thẩm quyền của mình.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua.
- Triển khai định hướng chiến lược kinh doanh và thông qua kế hoạch triển khai thực hiện trong toàn hệ thống Tổng Công ty.
- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, định hướng cho thời gian tiếp theo. Xem xét các kế hoạch triển khai điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình thực tế, cũng như khai thác tối đa cơ hội của thị trường.
- Cụ thể, trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên và thông qua các nghị quyết sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2019	HĐQT chấp thuận cử ông Nguyễn Đức Thuyết làm Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina thay thế ông Đinh Quốc Hưng
2	02/NQ-HĐQT	20/02/2019	HĐQT Tái ký hợp đồng lao động với Ông Nguyễn Hùng Cường với chức danh Phó Tổng giám đốc
3	02a/NQ-HĐQT	29/03/2019	HĐQT phê duyệt chủ trương sắp xếp, tái cấu trúc lại Vocarimex và kế hoạch giảm lao động tại Nhà máy, một số bộ phận và Chi nhánh Hà Nội.
4	03/NQ-HĐQT	02/05/2019	HĐQT thống nhất chủ trương về thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ 2019
5	04/NQ-HĐQT	31/05/2019	HĐQT thống nhất nội dung ĐHĐCĐ 2019
6	05/NQ-HĐQT	12/06/2019	HĐQT Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024
7	06/NQ-HĐQT	09/07/2019	Phê duyệt chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác khai thác với Công ty TNHH Container Sài Gòn
8	07/NQ-HĐQT	29/07/2019	Sắp xếp lao động với Nhà máy, Phòng Ban và chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội
9	08/NQ-HĐQT	09/09/2019	Thông qua việc sử dụng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TPHCM
10	09/NQ-HĐQT	01/10/2019	Thông qua chi cổ tức năm 2018
11	10/NQ-HĐQT	02/11/2019	Dự thảo điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12	11/NQ-HĐQT	05/12/2019	Thông qua việc sử dụng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 7 -TPHCM

Theo đánh giá của BKS, việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của HĐQT được thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty.

ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, và những quy định pháp luật có liên quan.
- Ban Tổng Giám đốc Điều hành báo cáo và cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đề ra, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Ban Tổng Giám đốc Điều hành thực thi việc sát lập hệ thống quản lý nội bộ và kiểm tra việc chấp hành các quy định.
- Đối với cán bộ quản lý đã nắm rõ phần hành và trách nhiệm của bộ phận, phòng ban trong quá trình thực hiện chức năng và kết hợp chặt chẽ, hợp tác với các phần hành có liên quan.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO RIÊNG 31/12/2019	BÁO CÁO HỢP NHẤT 31/12/2019
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	825.888	929.932
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.108.251	1.694.466
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.934.139	2.624.398
A	NỢ PHẢI TRẢ	460.149	490.716
I	Nợ ngắn hạn	450.066	479.437
II	Nợ dài hạn	10.084	11.279
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.473.990	2.133.683
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.218.000	1.218.000
II	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		787
III	Quỹ đầu tư phát triển	21.541	21.627
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	234.449	856.680
V	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.588
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.934.139	2.624.398

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO RIÊNG 2019	BÁO CÁO HỢP NHẤT 2019
A	TỔNG DOANH THU/THU NHẬP	2.709.959	2.880.586
I	- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh	2.552.691	2.547.296
II	- Doanh thu từ hoạt động tài chính	156.572	157.044
III	- Doanh thu khác/Thu nhập khác	696	32.634
IV	- Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết		143.612
B	CHI PHÍ	2.615.276	2.637.873
I	- Giá vốn hàng bán	2.507.914	2.502.588
II	- Chi phí bán hàng	44.543	44.558
III	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.749	39.732
IV	- Chi phí tài chính	27.152	42.749
V	- Chi phí khác	2.918	8.246
C	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	94.683	242.713

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2019

Nhận xét chung:

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty trong năm 2019.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY NĂM 2019

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2019, Ban Kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Tổng Công ty đã được cải thiện đáng kể về khả năng thanh toán, về cơ cấu vốn và năng lực hoạt động. Tuy nhiên, chỉ số khả năng sinh lợi gia tăng do thanh lý được tài sản ở công ty con Bao bì DTV.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,5	1,94
Hệ số thanh toán nhanh	1,4	1,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,32	0,19
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,47	0,23
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	19,6	18,9
Vòng quay tổng tài sản	1,4	1,0
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,0%	9,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,7%	11,4%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,6%	9,3%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,0%	8,57%

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

HDQT – Ban Tổng Giám đốc Điều hành – Ban Kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong công việc thực hiện quyền hạn trách nhiệm được quy định trong điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

Các Kiến nghị của BKS đối với HDQT, BLD VOC:

- Chỉ đạo người đại diện vốn của VOC tại các công ty con, công ty liên kết phối hợp với lãnh đạo các đơn vị để cải thiện hiệu quả hoạt động, đặc biệt là các công ty có kết quả kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả trong năm 2019.
- Đẩy mạnh tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính, thu hồi vốn tối đa cho VOC tại các công ty con, công ty liên kết.
- Năm 2020 là năm khó khăn cho toàn nền kinh tế. Vì vậy, đề nghị HDQT, BLD VOC chú trọng các giải pháp tài chính như chính sách phải thu chặt chẽ, tránh tình trạng nợ tồn đọng, nợ quá hạn; làm việc với các đơn vị có kết quả SXKD tốt để phân phối tối đa phần lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2019 của các đơn vị chia lợi nhuận/cổ tức bằng tiền mặt cho các thành viên/cổ đông, trong đó có thành viên/cổ đông VOC.

KHÁC BIỆT TỪ CHIẾN LƯỢC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	56
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	58
Báo cáo kiểm toán độc lập	59
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	60
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	63
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	64
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	66



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	
Bà Trần Thị Hồng Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban	
Bà Huỳnh Ngọc Nữ Phương Nga	Thành viên	
Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thị Hồng Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✓ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ✓ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 6 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 60 đến trang 94, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 6 tháng 3 năm 2020



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		929.932.265.687	1.427.712.059.174
110	I. Tiền	4	130.911.071.546	14.982.477.267
111	1. Tiền		130.911.071.546	14.982.477.267
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		220.000.000.000	173.672.628.829
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	220.000.000.000	173.672.628.829
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		368.318.725.892	791.683.020.338
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	334.758.005.640	678.846.284.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.683.448.419	603.475.782
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	31.283.815.423	113.589.838.501
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	-	(1.898.900.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		593.456.410	542.321.423
140	IV. Hàng tồn kho	7	154.557.784.309	109.709.407.901
141	1. Hàng tồn kho		154.789.153.343	110.202.966.819
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(231.369.034)	(493.558.918)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		56.144.683.940	337.664.524.839
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		147.946.195	517.217.834
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	39.865.025.190	34.558.480.722
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	15.599.240.237	15.606.615.500
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		532.472.318	286.982.210.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.694.465.986.457	1.580.386.658.798
210	I. Phải thu dài hạn		1.509.777.247	1.509.777.247
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.509.777.247	1.509.777.247
220	II. Tài sản cố định		142.808.242.197	163.069.019.333
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	141.748.464.306	161.905.221.374
222	Nguyên giá		406.142.531.188	406.052.586.643
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(264.394.066.882)	(244.147.365.269)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.059.777.891	1.163.797.959
228	Nguyên giá		4.660.083.240	4.660.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.600.305.349)	(3.496.285.281)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	4.985.684.578	5.178.065.710
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	11.797.057.729
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.811.373.151)	(6.618.992.019)
250	IV. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		1.544.688.218.954	1.401.075.375.593
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	1.521.131.668.177	1.377.518.824.816
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.3	23.556.550.777	23.556.550.777
260	V. Tài sản dài hạn khác		474.063.481	9.554.420.915
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		474.063.481	9.554.420.915
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.624.398.252.144	3.008.098.717.972

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		490.715.359.047	964.104.864.896
310	I. Nợ ngắn hạn		479.436.685.912	951.964.879.791
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.295.467.571	194.416.191.498
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.765.933.573	43.198.612.563
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	26.599.027.400	693.064.357
314	4. Phải trả người lao động		3.729.150.663	2.607.796.625
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	9.205.852.974	18.463.704.743
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		68.953.441	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	16.391.606.842	14.135.294.042
320	8. Vay ngắn hạn	17	390.885.215.908	670.620.575.939
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.495.477.540	7.829.640.024
330	II. Nợ dài hạn		11.278.673.135	12.139.985.105
337	1. Phải trả dài hạn khác		199.250.000	238.250.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	17	9.884.267.541	10.692.788.823
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	1.195.155.594	1.208.946.282
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.133.682.893.097	2.043.993.853.076
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.133.682.893.097	2.043.993.853.076
411	1. Vốn cổ phần	18.1	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	18.1	787.114.305	787.114.305
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	18.1	21.627.141.226	28.505.180.374
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	856.680.311.570	757.512.462.937
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		611.352.462.937	497.396.170.020
421b	- Lợi nhuận thuần năm nay		245.327.848.633	260.116.292.917
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18.1	36.588.325.996	39.189.095.460
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.624.398.252.144	3.008.098.717.972

Nguyễn Hoàng Sang

Người lập

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

Hồ Minh Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Liễu

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2.548.586.911.612	4.359.084.773.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(1.290.301.650)	(1.801.348.553)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2.547.296.609.962	4.357.283.424.906
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(2.502.588.249.864)	(4.282.766.707.249)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.708.360.098	74.516.717.657
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	157.044.386.089	214.291.585.475
22	7. Chi phí tài chính	21	(42.749.228.191)	(54.865.149.897)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.555.992.882)	(42.608.572.403)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	11.2	143.612.843.361	131.800.880.093
25	9. Chi phí bán hàng	22	(44.558.183.368)	(56.729.920.058)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(39.732.650.118)	(48.133.379.963)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		218.325.527.871	260.880.733.307
31	12. Thu nhập khác	24	32.633.660.002	3.438.313.312
32	13. Chi phí khác	24	(8.245.899.392)	(3.686.189.809)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	24.387.760.610	(247.876.497)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		242.713.288.481	260.632.856.810
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	13.790.688	(516.563.893)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		242.727.079.169	260.116.292.917
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		245.327.848.633	279.626.246.383
62	20. Lỗ thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(2.600.769.464)	(19.509.953.466)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	2.014	2.296
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	2.014	2.296

Nguyễn Hoàng Sang

Người lập

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

Hồ Minh Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Liễu

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN/HN

VND

VND

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	242.713.288.481	260.632.856.810
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	20.741.520.768	32.619.982.837
03	Hoàn nhập dự phòng	(2.161.089.884)	(4.033.842.839)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục	(673.114)	257.050.247
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(317.853.724.928)	(338.556.796.567)
06	Chi phí lãi vay	21 41.555.992.882	42.608.572.403
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(15.004.685.795)	(6.472.177.109)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu	469.006.636.100	(391.186.467.834)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho	(44.586.186.524)	219.251.350.623
11	Giảm các khoản phải trả	(136.728.568.331)	(151.574.163.842)
12	Giảm chi phí trả trước	2.571.589.925	30.416.010.924
14	Tiền lãi vay đã trả	(54.325.158.015)	(29.781.304.603)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.334.162.484)	(6.038.770.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	219.599.464.876	(335.385.522.236)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	(322.600.000)	(2.865.770.679)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	214.936.830.909	15.663.102.001
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(120.000.000.000)	(102.758.095.547)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	73.672.628.829	220.041.340.449
25	Tiền chi đầu tư vào góp vốn đơn vị khác	-	(6.000.000.000)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được	154.745.592.633	209.957.265.078
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	323.032.452.371	334.037.841.302

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B03-DN/HN

VND

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	2.319.984.772.894	2.276.572.681.095
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.600.521.751.180)	(2.254.966.829.322)
36	Cổ tức đã trả	(146.160.000.000)	(158.340.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(426.696.978.286)	(136.734.148.227)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	115.934.938.961	(138.081.829.161)
60	Tiền đầu năm	14.982.477.267	153.060.882.409
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.344.682)	3.424.019
70	Tiền cuối năm	4 130.911.071.546	14.982.477.267

Nguyễn Hoàng Sang

Người lập

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

Hồ Minh Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Liễu

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần ("VOC" hoặc "Tổng Công ty"), một công ty con và các công ty liên kết như sau:

Công ty

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 114 (31 tháng 12 năm 2018: 194).

Công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ("VPK")

Tổng Công ty sở hữu 51,05% vốn chủ sở hữu trong VPK, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của VPK là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. VPK có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường của VPK số 06/NQ/ĐHĐCĐ/2018 ngày 22 tháng 11 năm 2018, các cổ đông của VPK đã thông qua quyết định giải thể hoạt động của VPK. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, VPK đang tiến hành các thủ tục cho việc giải thể nêu trên.

Các công ty liên kết

Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ("Calofic")

Tổng Công ty sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Calofic, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐĐT") số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐĐT điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Calofic là sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan. Calofic có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ("TAC")

Tổng Công ty sở hữu 26,54% vốn chủ sở hữu trong TAC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103002698 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TAC là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật. TAC có trụ sở đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina")

Tổng Công ty sở hữu 40% vốn chủ sở hữu trong LG Vina, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của LG Vina là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty Dầu ăn Kido Nhà Bè ("Kido Nhà Bè") (trước đây là Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè)

Tổng Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu trong Kido Nhà Bè, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Kido Nhà Bè là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Kido Nhà Bè có trụ sở đăng ký tại số 370 Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ✓ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ✓ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ✓ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ✓ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ✓ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty ("công ty mẹ") và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 25 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.9 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh là giá trị được tạo ra từ hoạt động của một Tổng Công ty Nhà nước kể từ ngày thành lập cho đến ngày thực hiện định giá và cổ phần hóa, được xác định theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ("Thông tư 127") của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014. Giá trị lợi thế kinh doanh đã được đánh giá lại trong năm 2015 theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa ngày 22 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của số tiền mà Tập đoàn trả trước cho việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam trong thời hạn 45 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

3.10 Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trở với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.16 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ✓ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ✓ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	204.717.117	292.715.812
Tiền gửi ngân hàng	130.706.354.429	14.689.761.455
TỔNG CỘNG	130.911.071.546	14.982.477.267

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	209.119.765.591	611.063.600.052
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	46.120.368.470	-
Công ty TNHH MTV Lập Thịnh	42.472.760.000	-
Mitsui and Co., Ltd.	8.318.206.080	5.365.011.000
Các khách hàng khác	28.726.905.499	62.417.673.580
TỔNG CỘNG	334.758.005.640	678.846.284.632
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(1.898.900.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	334.758.005.640	676.947.384.632

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.898.900.000	5.228.110.651
Dự phòng trích lập trong năm	-	1.778.730.500
Xóa sổ và hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.898.900.000)	(5.107.941.151)
Số cuối năm	-	1.898.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

6. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	31.283.815.423	113.589.838.501
Cho mượn nguyên vật liệu	29.876.487.030	7.136.058.921
Lãi tiền gửi	1.297.326.724	2.973.251.580
Vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HDHTKD")	-	100.000.000.000
Khác	110.001.669	3.480.528.000
Dài hạn	1.509.777.247	1.509.777.247
Ký quỹ	1.509.777.247	1.509.777.247
TỔNG CỘNG	32.793.592.670	115.099.615.748
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>31.908.481.690</i>	<i>111.864.076.168</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>885.110.980</i>	<i>3.235.539.580</i>

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	118.859.492.200	46.364.621.794
Thành phẩm	28.781.907.605	43.209.060.073
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.843.530.921	1.565.068.791
Công cụ, dụng cụ	2.300.607.038	3.385.291.368
Nguyên vật liệu	1.003.615.579	15.678.924.793
TỔNG CỘNG	154.789.153.343	110.202.966.819
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.369.034)	(493.558.918)
GIÁ TRỊ THUẦN	154.557.784.309	109.709.407.901

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	493.558.918	1.198.191.106
Dự phòng trích lập trong năm	231.369.034	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(493.558.918)	(704.632.188)
Số cuối năm	231.369.034	493.558.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	174.043.117.694	226.917.949.867	5.091.519.082	406.052.586.643
Mua mới	-	150.000.000	172.600.000	322.600.000
Thanh lý trong năm	-	(73.660.000)	(158.995.455)	(232.655.455)
Số cuối năm	174.043.117.694	226.994.289.867	5.105.123.627	406.142.531.188
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>25.125.977.680</i>	<i>50.645.014.806</i>	<i>2.018.999.077</i>	<i>77.789.991.563</i>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(80.425.698.591)	(160.669.789.365)	(3.051.877.313)	(244.147.365.269)
Khấu hao trong năm	(5.650.808.327)	(14.385.194.621)	(409.116.620)	(20.445.119.568)
Thanh lý trong năm	-	73.660.000	124.757.955	198.417.955
Số cuối năm	(86.076.506.918)	(174.981.323.986)	(3.336.235.978)	(264.394.066.882)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	93.617.419.103	66.248.160.502	2.039.641.769	161.905.221.374
Số cuối năm	87.966.610.776	52.012.965.881	1.768.887.649	141.748.464.306

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.064.948.000	2.064.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.431.337.281)	(2.064.948.000)	(3.496.285.281)
Hao mòn trong năm	(104.020.068)	-	(104.020.068)
Số cuối năm	(1.535.357.349)	(2.064.948.000)	(3.600.305.349)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.163.797.959	-	1.163.797.959
Số cuối năm	1.059.777.891	-	1.059.777.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Tổng cộng
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	11.797.057.729
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(6.618.992.019)
Hao mòn trong năm	(192.381.132)
Số cuối năm	(6.811.373.151)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.178.065.710
Số cuối năm	4.985.684.578

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

11.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	73.672.628.829
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	70.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	23.672.628.829
Đầu tư ngắn hạn khác	150.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu - Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (**)	150.000.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	220.000.000.000	173.672.628.829

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất 7,5%/năm.

(**) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai tháng và hưởng lãi suất 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

VND

	Calofic	TAC	LG Vina	Golden Hope	Tổng cộng
Giá trị đầu tư					
Số đầu năm và số cuối năm	572.600.582.675	247.049.222.600	84.521.827.562	47.192.438.524	951.364.071.361
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua các công ty liên kết					
Số đầu năm	437.279.220.453	33.271.693.354	2.796.278.172	(47.192.438.524)	426.154.753.455
Phần lợi nhuận trong năm	237.537.866.692	36.154.331.037	6.339.115.974	-	280.031.313.703
Cổ tức đã trả	(113.391.357.209)	(21.582.554.400)	-	-	(134.973.911.609)
Quý được chia trong năm	-	(1.444.558.733)	-	-	(1.444.558.733)
Số cuối năm	561.425.729.936	46.398.911.258	9.135.394.146	(47.192.438.524)	569.767.596.816
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.009.879.803.128	280.320.915.954	87.318.105.734	-	1.377.518.824.816
Số cuối năm	1.134.026.312.611	293.448.133.858	93.657.221.708	-	1.521.131.668.177

11.3. Đầu tư vào đơn vị khác

Số cuối năm thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình ("Nakydaco").

Nakydaco được cổ phần hóa theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Công ty Cổ phần số 0303587122 ngày 10 tháng 12 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Nakydaco có trụ sở đăng ký tại số 899 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Apical Vietnam Oil and Fats Pte Ltd	16.065.637.038	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	882.632.810	336.881.749
Công ty TNHH Jebsen & Jessen Ingredients Việt Nam	347.820.000	-
Công ty Cổ phần Tín Thành	308.600.600	425.349.311
Denali Trading Pte Ltd	-	173.675.277.559
Khác	1.690.777.123	19.978.682.879
TỔNG CỘNG	19.295.467.571	194.416.191.498

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kukai Investment Limited	1.715.028.039	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Vạn Phát Long An	1.240.638.245	-
Công ty TNHH Phước An	959.182.800	1.675.780
Hộ kinh doanh Lan Hương	692.283.900	-
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	40.000.000.000
Khác	2.158.800.589	3.196.936.783
TỔNG CỘNG	6.765.933.573	43.198.612.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

14. THUẾ

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(34.558.480.722)	(212.230.621.014)	232.188.747.942	(14.600.353.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.599.240.237)	-	-	(15.599.240.237)
Thuế thu nhập cá nhân	518.063.076	3.539.063.345	(3.345.318.015)	711.808.406
Tiền thuê đất	175.001.281	1.383.911.948	(936.365.631)	622.547.598
Thuế khác	(7.375.263)	-	7.375.263	-
TỔNG CỘNG	(49.472.031.865)	(207.307.645.721)	227.914.439.559	(28.865.238.027)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế GTGT được khấu trừ	(34.558.480.722)			(39.865.025.190)
Thuế nộp thừa	(15.599.240.237)			(15.599.240.237)
Thuế phải nộp	685.689.094			26.599.027.400

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải thể công ty con	3.340.000.000	-
Chi phí lưu tàu	1.035.357.152	2.580.642.053
Chi phí vận chuyển	658.004.966	834.837.020
Chi phí lãi vay	391.295.943	13.160.461.076
Chi phí marketing	-	777.541.469
Chi phí phải trả khác	3.781.194.913	1.110.223.125
TỔNG CỘNG	9.205.852.974	18.463.704.743

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	12.716.244.592
Hàng hóa tạm mượn	3.257.665.600	-
Khác	417.696.650	1.419.049.450
TỔNG CỘNG	16.391.606.842	14.135.294.042
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.257.665.600	-
Bên khác	13.133.941.242	14.135.294.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. VAY VÀ NỢ

VND

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Đánh giá lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	670.620.575.939	2.319.984.772.894	(2.600.521.751.180)	801.618.255	22.299.759	390.885.215.908
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	669.435.921.911	2.319.984.772.894	(2.599.537.502.006)	-	-	389.883.192.799
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	1.184.654.028	-	(984.249.174)	801.618.255	22.299.759	1.002.023.109
Dài hạn	10.692.788.823	-	-	(801.618.255)	(6.903.027)	9.884.267.541
Nợ từ bên thứ ba (Thuyết minh số 17.2)	10.692.788.823	-	-	(801.618.255)	(6.903.027)	9.884.267.541
TỔNG CỘNG	681.313.364.762	2.319.984.772.894	(2.600.521.751.180)	-	15.396.732	400.769.483.449

17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	389.883.192.799	Từ ngày 11 tháng 3 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020	5,9

17.2 Nợ dài hạn

Chi tiết khoản nợ tín chấp không lãi suất liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988, được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Mục đích
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	10.886.290.650	Ngày 12 tháng 5 năm 2028	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.002.023.109		
Nợ dài hạn	9.884.267.541		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	1.218.000.000.000	787.114.305	27.383.219.523	649.226.216.554	58.699.048.926	1.954.095.599.308
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	279.626.246.383	(19.509.953.466)	260.116.292.917
Cổ tức công bố	-	-	-	(158.340.000.000)	-	(158.340.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(6.878.039.149)	-	-	(6.878.039.149)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	28.505.180.374	757.512.462.937	39.189.095.460	2.043.993.853.076
Năm nay						
Số đầu năm	1.218.000.000.000	787.114.305	28.505.180.374	757.512.462.937	39.189.095.460	2.043.993.853.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	245.327.848.633	(2.600.769.464)	242.727.079.169
Cổ tức công bố	-	-	-	(146.160.000.000)	-	(146.160.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(6.878.039.148)	-	-	(6.878.039.148)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	21.627.141.226	856.680.311.570	36.588.325.996	2.133.682.893.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	146,160,000,000	158.340.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(146,160,000,000)	(158.340.000.000)

18.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	245.327.848.633	279.626.246.383
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	245.327.848.633	279.626.246.383
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	121.800.000	121.800.000
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	2.014	2.296
- Lãi suy giảm	2.014	2.296

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 6 năm 2019.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc của báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.548.586.911.612	4.359.084.773.459
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.041.138.570.924	3.162.732.520.333
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	495.114.132.410	1.164.970.134.364
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.556.246.112	14.225.599.025
<i>Doanh thu khác</i>	777.962.166	17.156.519.737
Các khoản giảm trừ	1.290.301.650	1.801.348.553
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	1.290.301.650	1.677.818.966
<i>Khác</i>	-	123.529.587
DOANH THU THUẦN	2.547.296.609.964	4.357.283.424.906
Trong đó:		
<i>Các bên liên quan</i>	1.816.822.289.091	3.344.653.794.704
<i>Các bên khác</i>	730.474.320.871	1.012.629.630.202

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	135.770.479.452	188.603.049.607
Tiền lãi trong năm	16.561.970.912	20.684.104.275
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.974.718.312	5.004.431.593
Khác	737.217.413	-
TỔNG CỘNG	157.044.386.089	214.291.585.475

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.010.327.777.532	3.514.245.149.694
Giá vốn của thành phẩm đã bán	475.730.616.713	733.918.355.115
Giá vốn khác	16.529.855.619	34.603.202.440
TỔNG CỘNG	2.502.588.249.864	4.282.766.707.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.555.992.882	42.608.572.403
Lỗ do đánh giá lại tài sản	-	9.800.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.193.235.309	2.456.577.494
TỔNG CỘNG	42.749.228.191	54.865.149.897

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	22.758.037.238	24.229.947.418
Chi phí vận chuyển	9.054.435.403	13.200.171.385
Khấu hao và hao mòn	5.072.161.799	5.717.464.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.376.829.295	4.433.735.777
Quảng cáo và khuyến mãi	654.765.929	4.962.008.194
Khác	3.641.953.704	4.186.592.909
TỔNG CỘNG	44.558.183.368	56.729.920.058

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	19.264.817.821	19.674.120.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.931.024.447	17.897.860.983
Chi phí bảo trì và thuê	4.028.955.510	3.583.822.027
Khấu hao và hao mòn	341.601.996	870.156.788
Khác	2.166.250.344	6.107.419.373
TỔNG CỘNG	39.732.650.118	48.133.379.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	32.633.660.002	3.438.313.312
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	31.742.668.703	-
Tiền bồi thường nhận được	507.734.310	2.116.242.027
Khác	383.256.989	1.322.071.285
Chi phí khác	(8.245.899.392)	(3.686.189.809)
Chi phí giải thể công ty con	(3.340.000.000)	-
Xóa sổ hàng tồn kho	(1.118.418.210)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(3.051.205.508)
Chi phí phạt	-	(93.439.611)
Khác	(3.787.481.182)	(541.544.690)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	24.387.760.610	(247.876.497)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	898.091.797.210	1.290.080.712.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.633.417.318	57.810.156.848
Chi phí lương	48.888.332.773	54.838.478.638
Chi phí khấu hao và hao mòn	20.741.520.768	32.619.982.837
Chi phí khác	9.082.814.122	10.048.589.701
TỔNG CỘNG	1.029.437.882.191	1.445.397.920.510

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2018: 20%).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13.790.688)	516.563.893
TỔNG CỘNG	(13.790.688)	516.563.893

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	242.713.288.481	260.632.856.810
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	48.542.657.696	52.126.571.364
<i>Điều chỉnh:</i>		
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(28.722.568.672)	(26.360.176.019)
Thu nhập không chịu thuế	(27.154.095.890)	(37.720.609.921)
Lỗ thuế trong năm	3.586.013.348	7.971.380.374
Chi phí không được trừ	8.007.644.549	10.902.449.422
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	(1.960.000.000)	-
Lỗ thuế từ các năm trước chuyển sang	(2.313.441.719)	(675.154.850)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(7.600.900.119)
Lỗ do đánh giá lại tài sản	-	1.960.000.000
Khác	-	(86.996.358)
Chi phí thuế TNDN	(13.790.688)	516.563.893

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:
VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	13.790.688	-	13.790.688	(516.563.893)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.208.946.282)	(1.208.946.282)	-	-
TỔNG CỘNG	(1.195.155.594)	(1.208.946.282)	13.790.688	(516.563.893)

26.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 131.809.083.648 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 113.879.016.908 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Lỗ chưa chuyển vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
2015 (*)	2020	51.180.456.593	(3.375.774.250)	47.804.682.343
2017	2022	26.217.432.695	-	26.217.432.695
2018	2023	39.856.901.870	-	39.856.901.870
2019	2024	17.930.066.740	-	17.930.066.740
TỔNG CỘNG		135.184.857.898	(3.375.774.250)	131.809.083.648

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế đến năm 2018.

Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nêu trên do tại thời điểm này, Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	1.405.639.641.502	2.636.452.739.747
		Cổ tức nhận được	21.582.554.400	21.582.554.400
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	41.237.461.000	292.075.031.150
		Mua hàng hóa	3.148.365.720	2.248.085.156
		Cổ tức được nhận	796.567.843	1.752.449.238
		Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	367.389.740.455	291.244.565.420
		Phí dịch vụ gia công dầu	35.424.355.301	7.088.086.639
		Cho mượn hàng hóa	29.876.487.030	-
Kido Nhà Bè	Công ty liên kết	Mượn hàng hóa	7.343.800.000	16.904.314.576
		Cung cấp dịch vụ	1.229.550.136	2.149.847.976
		Lãi trả chậm	737.217.413	-
		Cổ tức được nhận	113.391.357.209	145.309.034.223
Calofic	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	1.864.189.820
		Cung cấp dịch vụ	-	1.064.965.000
LG Vina	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	-	19.959.011.746
		Góp vốn đầu tư	-	6.000.000.000
		Bán tài sản cố định	58.115.000.000	-
		Cổ tức đã trả	39.463.200.000	38.001.600.000
		Mua hàng hóa	10.837.455.235	219.331.424
		Lợi nhuận phân chia từ HĐHTKD	6.720.768.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	2.426.117.184	5.256.960.083
		Vốn góp theo HĐHTKD	-	100.000.000.000
		Sửa chữa văn phòng	-	4.147.690.096
		Đặt cọc thuê văn phòng	-	1.294.777.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Kido Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	94.377.014.805	77.333.688.071
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	91.839.746.185	518.547.694.909
KDC	Công ty mẹ	Bán tài sản	19.926.500.000	-
		Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	253.438.373	-
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	2.723.066.228	15.182.217.072
			209.119.765.591	611.063.600.052
Phải thu khác				
Kido Nhà Bè	Công ty liên kết	Cho mượn hàng	29.876.487.030	7.136.058.921
		Lãi trả chậm	737.217.413	-
KDC	Công ty mẹ	Đặt cọc thuê văn phòng	1.294.777.247	1.294.777.247
		Vốn góp theo HĐHTKD	-	100.000.000.000
		Lợi nhuận phân chia từ HĐHTKD	-	2.500.000.000
		Chi trả hộ	-	933.240.000
			31.908.481.690	111.864.076.168
Phải trả người bán ngắn hạn				
KDC	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	882.632.810	336.881.749
Người mua trả trước ngắn hạn				
KDC	Công ty mẹ	Bán tài sản	-	40.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Kido Nhà Bè	Công ty liên kết	Mượn hàng hóa	3.257.665.600	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	5.294.532.862	7.019.918.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.518.534.080	5.797.439.197
Từ 1 đến 5 năm	5.876.579.520	6.490.251.869
TỔNG CỘNG	8.395.113.600	12.287.691.066


29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn bán ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập
Ngày 6 tháng 3 năm 2020


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2019 của Vocarimex được in với số lượng có hạn và sử dụng loại giấy thân thiện với môi trường. Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.

Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2019 của Vocarimex còn được công bố bằng phiên bản điện tử, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập **website: vocarimex.com.vn**

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

📍 58 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

☎ (+84-28) 3829 4513

✉ vocar@vocarimex.com.vn

☎ (+84-28) 3829 0586

🌐 www.vocarimex.com.vn

